[Iran và Ukraine: Cái giá của tuyên truyền chiến tranh phương Tây và những ảo tưởng quân sự]

Bởi Frank , 7 Tháng 11 2026

Iran và Ukraine: Cái giá của tuyên truyền chiến tranh phương Tây và những ảo tưởng quân sự

Lời cảnh báo của Scott Ritter về sự tự tin thái quá của Mỹ, cuộc khủng hoảng năng lượng và những trở ngại đối với ngoại giao



Tác giả: Frank Dumon - Bài phân tích chuyên sâu mang tính phản biện | Ngày 7 tháng 11 năm 2026

Khi một cuộc chiến không mang lại nền an ninh như đã hứa mà lại gây ra xáo trộn kinh tế, giá cả leo thang và nguy cơ leo thang xung đột ngày càng lớn, cần đặt câu hỏi: ai đã xác lập những tiền đề cho cuộc chiến ấy? Và khi các chính phủ tiếp tục biện minh cho chính sách của mình bằng chính những lập luận từng thất bại trong các chiến dịch quân sự trước đây, việc xem xét kỹ lưỡng câu chuyện được đưa ra trước công chúng trở nên quan trọng không kém việc kiểm soát chiến trường. Đó là cốt lõi trong phân tích của Scott Ritter, cựu thanh sát viên vũ khí

người Mỹ từng làm việc cho Liên Hợp Quốc, trong cuộc trao đổi gần đây về Iran, Ukraine và nguồn cung năng lượng toàn cầu.

Ritter là một trong những tiếng nói Mỹ chỉ trích mạnh mẽ nhất chính sách đối ngoại của Washington. Ông cho rằng Mỹ đánh giá quá cao năng lực quân sự của mình, đánh giá quá thấp nguy cơ leo thang tại Vịnh Ba Tư, đồng thời biến việc tiếp tục cuộc chiến ở Ukraine thành một dự án chính trị mà người dân Ukraine và châu Âu bình thường phải gánh chịu cái giá. Ngôn từ của ông đôi khi gay gắt, các dự báo của ông không mặc nhiên chính xác và một số cáo buộc cụ thể trong bản chép lời tự động được cung cấp chưa được kiểm chứng độc lập. Tuy nhiên, câu hỏi chiến lược trọng tâm của ông đòi hỏi một câu trả lời trực tiếp: **phương Tây thực sự đã đạt được điều gì bằng sức ép quân sự, các biện pháp trừng phạt và những lời hứa về chiến thắng?**

Hai tuyên bố gần đây khác càng làm nổi bật ý nghĩa chính trị của câu hỏi này. Giáo sĩ Iran Ahmad Khatami nhận thấy sự tiếp nối trong thái độ đối với Iran của cả Đảng Dân chủ lẫn Đảng Cộng hòa Mỹ. Dmitri Medvedev, cựu Tổng thống Nga, cho rằng công nghệ Starlink của Elon Musk đã trở thành một phần của cuộc chiến tại Ukraine. Cùng nhau, ba tiếng nói này làm sáng tỏ các khía cạnh quân sự, chính trị, kinh tế và công nghệ của một thế giới trong đó Mỹ vẫn tham vọng định hình trật tự an ninh quốc tế, nhưng ngày càng gặp phải những giới hạn của chính sức mạnh mình.

Bài viết này chủ động tiếp cận chính sách chiến tranh của phương Tây từ góc nhìn phê phán. Bài viết không cố gán cho mỗi bên một phần đúng sai bằng nhau một cách khiên cưỡng. Tuy nhiên, tiêu chuẩn đánh giá vẫn phải nhất quán: một sự thật đã được xác minh khác với một tuyên bố của chính phủ, một dự báo quân sự hay một cáo buộc chính trị. Chính một lập luận phê phán Washington và NATO mạnh mẽ càng cần coi trọng sự phân biệt ấy.

1. Scott Ritter: Ưu thế quân sự chưa phải là chiến thắng chính trị

Trong cuộc trao đổi với Scott Ritter được cung cấp, người dẫn chương trình hỏi ông Donald Trump muốn nói gì khi đe dọa tiến hành một cuộc tấn công mới, mạnh hơn, nhằm vào Iran. Ritter không trả lời bằng cuộc tranh luận quen thuộc về quy mô một chiến dịch oanh tạc. Thay vào đó, ông đề xuất đánh giá tương quan lực lượng: những phương tiện nào đã sẵn có trong cuộc tấn công bất ngờ ngày 28 tháng 2 năm 2026, hiện còn những phương tiện nào có thể triển khai, Iran giờ đây có thể tổ chức kháng cự đến mức nào và Washington có thể duy trì cuộc đối đầu trong bao lâu?

Theo Ritter, Mỹ có điều kiện tác chiến thuận lợi hơn vào thời điểm bắt đầu chiến tranh. Yếu tố bất ngờ còn có thể phát huy tác dụng, nhiều nguồn lực đã được tập trung hơn và Iran chưa chuẩn bị đầy đủ để lập tức đáp trả. Sau nhiều tháng xung đột,

vị thế ban đầu ấy đã thay đổi. Các lực lượng Iran có thời gian điều chỉnh hệ thống phòng thủ và biện pháp đối phó. Trong khi đó, Mỹ phải tính đến kho dự trữ, công tác hậu cần, bảo vệ căn cứ, hoạt động hàng hải và cái giá chính trị của một cuộc chiến kéo dài.

Kết luận của ông là cụm từ “cuộc tấn công lớn” có thể chỉ đóng vai trò một khẩu hiệu chính trị ở Washington mà không chứng minh được sự tồn tại của một chiến lược quân sự bền vững. Một quốc gia có thể phá hủy mục tiêu nhưng vẫn thất bại về chính trị trong chiến tranh. Sự khác biệt ấy hết sức quan trọng. Phá hủy một cơ sở năng lượng không chứng minh được rằng đối phương sẽ đầu hàng. Ngược lại, điều đó có thể mở ra một vòng trả đũa mới. Washington càng gắn uy tín của mình với lời hứa buộc Iran khuất phục, thì càng khó trình bày một lối thoát ngoại giao như một thành công.

Đánh giá chi tiết của Ritter về năng lực còn lại của Mỹ là nhận định quân sự của riêng ông; thông tin công khai chưa đủ để xác nhận mọi khía cạnh trong đó. Nhưng nguyên tắc chiến lược mà ông nêu ra rất đáng chú ý: sức mạnh quân sự phải được đánh giá qua *kết quả chính trị*, chứ không chỉ qua khả năng trút bom đạn xuống mục tiêu. Lịch sử những cuộc can thiệp kéo dài của Mỹ đem lại nhiều lý do để nghiêm túc xem xét câu hỏi này.

2. Cuộc chiến chống Iran không ngăn được khủng hoảng năng lượng mà còn gây ra nó

Mỹ và Israel mở một chiến dịch quân sự mới nhằm vào Iran ngày 28 tháng 2 năm 2026. Tehran đáp trả bằng các cuộc phản công trong khu vực và những hành động cản trở giao thông qua eo biển Hormuz. Trình tự sự kiện này có ý nghĩa cốt yếu đối với việc đánh giá chính sách. Chính quyền Washington không thể làm như thể cuộc khủng hoảng năng lượng tiếp sau đó là một hiện tượng tự nhiên không liên quan. Đây là hệ quả có thể dự báo của quyết định lựa chọn đối đầu quân sự tại một khu vực giữ vai trò trung tâm đối với nguồn cung dầu khí thế giới.

Ritter nhấn mạnh rằng Iran không cần sở hữu những nguồn lực tương đương Mỹ để gây ra tổn thất kinh tế lớn. Quân đội Mỹ có thể vượt trội về không quân, tình báo vệ tinh và khả năng tấn công thông thường, nhưng Iran vẫn có thể buộc đối phương chịu những chi phí không cân xứng thông qua tên lửa, máy bay không người lái và các mối đe dọa đối với cơ sở hạ tầng dễ bị tổn thương. Tương quan vũ khí có thể không cân bằng, nhưng tương quan hậu quả kinh tế chưa chắc đã như vậy. Một sự gián đoạn tương đối hạn chế tại điểm nút chiến lược cũng có thể gây chấn động dữ dội cho thương mại quốc tế.

Các số liệu cụ thể củng cố lập luận này. Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) ước tính rằng trong năm 2025, mỗi ngày có khoảng 20 triệu thùng dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ đi qua eo biển Hormuz, tương đương khoảng một phần tư lượng dầu được vận chuyển bằng đường biển trên toàn thế giới. Gần một phần năm thương mại khí tự nhiên hóa lỏng toàn cầu cũng đi qua tuyến đường này. Vì vậy, Vùng Vịnh không phải một khu vực bên lề mà Washington có thể tùy ý gây bất ổn mà không tạo ra hậu quả cho nền kinh tế thế giới.

Theo phân tích tháng 9 năm 2026 của IEA, lưu lượng dầu qua Hormuz trong tháng 8 giảm xuống mức trung bình 7,6 triệu thùng mỗi ngày, thấp hơn 13,1 triệu thùng so với trước chiến tranh. Trong báo cáo tháng 10, cơ quan này ghi nhận sự phục hồi một phần của dòng vận chuyển, nhưng cũng cho thấy tình trạng nguồn cung vẫn căng thẳng ở các thị trường, đặc biệt là dầu diesel. Như vậy, đây không phải một cuộc phong tỏa toàn diện và vĩnh viễn, nhưng vẫn là một sự gián đoạn mang tính lịch sử.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế cũng mô tả cuộc chiến là cú sốc lớn đối với năng lượng, thương mại, vận tải và ổn định tài chính. Chi phí bảo hiểm tăng, tàu biển phải đi đường vòng, giá năng lượng và lương thực leo thang tác động đặc biệt nặng nề đến những nước không có nguồn dự trữ lớn. Trong phân tích tháng 3 năm 2026, IMF chỉ ra sự phân bổ tác động không đồng đều trên toàn thế giới. Các nền kinh tế giàu có thể hấp thụ một phần chi phí, còn các hộ gia đình dễ bị tổn thương tại những nước nhập khẩu năng lượng có khả năng chống đỡ thấp hơn nhiều.

Chính ở đây, lời cảnh báo của Ritter chạm đến bản chất vấn đề. Một chiến dịch quân sự được tuyên bố là nhằm tăng cường an ninh lại góp phần gây ra một trong những sự gián đoạn năng lượng lớn nhất trong lịch sử hiện đại. Vì thế, không thể chỉ yêu cầu Iran chịu trách nhiệm. Cũng phải đặt câu hỏi về trách nhiệm của các chính phủ đã khởi động chiến dịch quân sự mới.

3. Tấn công dầu khí có thể trở thành đòn đánh vào toàn bộ nền kinh tế thế giới

Ritter cảnh báo rằng một cuộc tấn công của Mỹ vào hệ thống cung ứng năng lượng Iran có thể dẫn đến các đòn trả đũa nhằm vào những cơ sở tại Saudi Arabia, Qatar, Kuwait, Bahrain và Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất. Ông mô tả kịch bản trong đó tính dễ tổn thương của cả khu vực trở thành công cụ răn đe. Dự báo cực đoan nhất của ông, rằng toàn bộ hoạt động sản xuất sẽ biến mất trong một thời gian rất dài, hiện chưa thể khẳng định. Nhưng nguy cơ thực tế rằng cơ sở hạ tầng và hàng hải có thể bị nhắm mục tiêu xuyên biên giới đã được cuộc chiến năm 2026 chứng minh.

IEA mô tả sự gián đoạn trên thị trường năng lượng năm 2026 là đặc biệt nghiêm trọng. Trong Báo cáo An ninh Khí đốt Toàn cầu công bố ngày 3 tháng 11, cơ quan này cho biết lượng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) đi qua Hormuz giảm đã đẩy giá khí đốt tại châu Á và châu Âu lên những mức chưa từng thấy kể từ cuộc khủng hoảng năng lượng 2022–2023. Giá khí đốt lại ảnh hưởng đến chi phí điện năng, phân bón và các quy trình công nghiệp. Tác động ấy lan tới cả những doanh nghiệp hoạt động cách chiến trường hàng nghìn kilômét.

Logic kinh tế của răn đe ở đây gần như bị đảo ngược. Washington có thể gây thiệt hại nặng nề cho Iran, nhưng không thể ngăn thị trường quốc tế phản ứng trước những thiệt hại đó. Ngay cả khi Mỹ tương đối ít phụ thuộc vào dầu mỏ Vùng Vịnh hơn một số nước châu Á, người tiêu dùng và doanh nghiệp Mỹ vẫn gắn chặt với giá thế giới. Một tổng thống vì thế không thể tách rời cuộc chiến ở nước ngoài khỏi giá xăng trong nước.

Sự chỉ trích của Ritter nhắm chính vào điểm mù chính trị ấy: ý tưởng rằng có thể buộc đối phương nhượng bộ bằng những cuộc tàn phá tiếp theo mà không phải trả giá cho phản ứng của họ. Khủng hoảng năng lượng cho thấy Mỹ không thể chuyển toàn bộ chi phí của một chiến dịch quân sự sang quốc gia bị tấn công. Thị trường thế giới không phải một khán giả thờ ơ.

4. Câu chuyện về vũ khí hạt nhân Iran đòi hỏi sự chính xác

Ritter cho rằng cách Mỹ mô tả mối đe dọa vũ khí hạt nhân Iran như một nguy cơ sắp xảy ra là sai lệch. Phê phán của ông cần được chú ý, bởi lập luận về an ninh hạt nhân có thể được dùng để hợp thức hóa những hành động quân sự sâu rộng. Có sự khác biệt căn bản giữa việc xác nhận một quốc gia sở hữu uranium làm giàu cao, khả năng một ngày nào đó sử dụng vật liệu ấy để tạo ra nguyên liệu cho vũ khí và bằng chứng rằng quốc gia đó đã thực sự chế tạo được một vũ khí hạt nhân có thể sử dụng.

Trước đợt leo thang gần đây nhất, Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) đã báo cáo Iran có khoảng 440,9 kilôgam uranium được làm giàu đến mức tối đa 60%. Đây là mức độ đủ để gây quan ngại nghiêm trọng trong cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, cơ quan này cũng nhấn mạnh rằng sau các cuộc tấn công quân sự và thời gian dài bị hạn chế tiếp cận, họ không còn khả năng xác minh đầy đủ mọi kho dự trữ và địa điểm. Khoảng trống đó một lần nữa được nêu ra tại phiên thảo luận của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc cuối tháng 10 năm 2026.

Do đó, nhận định rằng Iran đã sở hữu vũ khí hạt nhân có thể triển khai chưa được chứng minh là sự thật đã xác lập. Đồng thời, không thể gạt bỏ những khó khăn trong hoạt động thanh sát. Ai mô tả chương trình hạt nhân Iran đơn thuần là một mối đe dọa do phương Tây bịa đặt sẽ làm suy yếu một lập luận quan trọng hơn: **chính vì**

những sự kiện hiện nay không thể được kiểm chứng đầy đủ nên việc phá bỏ các kênh ngoại giao và cơ chế thanh sát lại càng nguy hiểm.

Chiến tranh có thể làm hỏng máy ly tâm, phá hủy các tòa nhà và giết hại các nhà khoa học, nhưng không thể tự động xóa bỏ tri thức cho phép duy trì một chương trình hạt nhân. Nó còn có thể làm gia tăng động cơ chính trị nhằm che giấu những hoạt động nhạy cảm. Vì vậy, kết quả phải được đánh giá dựa trên mức độ giảm thiểu rủi ro có thể kiểm chứng. Một tuyên bố chiến thắng quân sự được thổi phồng không thể thay thế công tác thanh sát độc lập.

5. Chính phương Tây đã làm suy yếu một thỏa thuận hạt nhân đang tồn tại

Bối cảnh lịch sử của hồ sơ hạt nhân Iran thường bị bỏ qua trong những cuộc phỏng vấn truyền hình ngắn. Năm 2015, Iran cùng năm thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Đức và Liên minh châu Âu đạt được thỏa thuận hạt nhân mang tên JCPOA. Iran chấp nhận hạn chế các hoạt động hạt nhân và chịu sự giám sát, xác minh mở rộng; đổi lại, những lệnh trừng phạt liên quan đến hạt nhân được nới lỏng. Thỏa thuận không hoàn hảo, nhưng tạo ra một khuôn khổ có thể kiểm chứng để giải quyết bất đồng bằng ngoại giao.

Ngày 8 tháng 5 năm 2018, Tổng thống Trump rút Mỹ khỏi thỏa thuận này. Bộ Ngoại giao Mỹ khi ấy đã công khai bảo vệ quyết định đó. Về sau, chính Iran cũng vượt qua một số giới hạn do thỏa thuận đặt ra. Nhưng sự đổ vỡ lớn đầu tiên trong chuỗi sự kiện cụ thể này xuất phát từ Washington. Những ai ngày nay trách Iran không tạo đủ lòng tin cũng phải tự hỏi còn có thể tin tưởng đến đâu khi một chính quyền Mỹ hủy bỏ thỏa thuận đã được đàm phán quốc tế rồi tiếp tục gia tăng sức ép kinh tế.

Vì vậy, Ritter nêu ra một điểm cốt yếu khi kêu gọi đàm phán đáng tin cậy thay vì những lời đe dọa ngày càng nặng nề. Mỹ không thể đòi Iran từ bỏ những công cụ mặc cả quan trọng nhất mà không có bảo đảm, trong khi các lệnh trừng phạt, phong tỏa và sức ép quân sự vẫn tiếp diễn. Một thỏa thuận đòi hỏi sự trao đổi những nhượng bộ có thể thực thi và kiểm chứng. Chính sách đặt điều kiện đối phương phải đầu hàng hoàn toàn ngay từ đầu khiến một thỏa thuận gần như không thể đạt được.

Điều đó không có nghĩa mọi quyết định của Iran đều chính đáng. Tehran cũng có trách nhiệm về tính minh bạch và sự an toàn của các quốc gia trong khu vực. Nhưng câu hỏi chính sách trung tâm vẫn là: vì sao một công cụ ngoại giao cho phép áp đặt giới hạn và giám sát lại bị thay bằng cuộc đối đầu khiến hoạt động giám sát càng khó khăn hơn? Việc viện dẫn ưu thế quân sự của Mỹ không trả lời được câu hỏi ấy.

6. Ahmad Khatami: Thay đổi đảng cầm quyền ở Washington không phải sự bảo đảm

Tuyên bố của giáo sĩ chủ trì lễ cầu nguyện thứ Sáu tại Tehran, Ahmad Khatami, ngày 6 tháng 11 năm 2026 cần được nhìn nhận trong bối cảnh này. Theo ông, Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa không khác nhau về bản chất trong chính sách đối với Iran khi những lợi ích quyền lực cốt lõi của Mỹ bị đặt lên bàn cân. Các bản tin về bài giảng trong lễ cầu nguyện thứ Sáu phản ánh quan điểm của ông rằng Tehran không nên tự động kỳ vọng tình hình được cải thiện chỉ vì kết quả bầu cử tại Mỹ.

Phát biểu ấy là một sự khái quát hóa mang tính chính trị: thực tế có khác biệt rõ ràng giữa các cuộc đàm phán JCPOA dưới thời Barack Obama và quyết định rút khỏi thỏa thuận sau đó của Trump. Dẫu vậy, Khatami đã chỉ ra một vấn đề vượt ra ngoài chính trị đảng phái. Các chính quyền Mỹ thay nhau cầm quyền, nhưng cơ chế trừng phạt, hiện diện quân sự, hệ thống liên minh và mục tiêu chiến lược hạn chế ảnh hưởng khu vực của Iran thường vẫn tồn tại. Đối với phía bên kia, câu hỏi vì thế trở thành liệu cam kết của một tổng thống có còn giá trị dưới thời người kế nhiệm hay không.

Khatami nhắc đến lượng vật liệu chứa uranium đã được đưa ra khỏi Iran trong các cuộc đàm phán trước đây và kho uranium làm giàu cao mà theo ông Washington vẫn không thể thu giữ dù đã dùng sức ép quân sự. Việc so sánh yellowcake (uranium cô đặc) với uranium làm giàu cao không tương đương về mặt kỹ thuật; cần giữ rõ sự phân biệt đó. Nhưng sự đối lập chính trị mà ông nêu ra rất rõ: ngoại giao từng đạt được những thỏa thuận cụ thể, trong khi sự cưỡng ép quân sự cho đến nay vẫn chưa tạo ra một thỏa thuận hạt nhân bền vững.

Bài học dành cho Washington là không thể khôi phục uy tín bằng ngôn từ trong bầu cử. Uy tín phải được chứng minh bằng những biện pháp cụ thể: tuân thủ thỏa thuận, giảm đe dọa và sẵn sàng thừa nhận các lợi ích an ninh của Iran là chủ đề có thể đàm phán. Không có sự có đi có lại ấy, bất kỳ thỏa thuận mới nào cũng sẽ mong manh.

7. Giải pháp thay thế của Ritter: Không tiếp tục ném bom mà phải phá vỡ logic trừng phạt

Phần thú vị nhất trong cuộc trao đổi với Ritter không phải dự báo về thảm họa mà là giải pháp thay thế ông đề xuất. Ông kêu gọi Mỹ đi bước đầu tiên: giảm các biện pháp trừng phạt, giải phóng tài sản bị phong tỏa và tạo ra một cơ hội mở đường về chính trị. Đổi lại, Iran có thể khôi phục lưu thông qua Hormuz và nối lại đàm phán về an ninh khu vực cũng như hồ sơ hạt nhân. Vì vậy, Ritter không chỉ đưa ra lời chỉ trích; ông mô tả một trình tự từng bước để xây dựng lại lòng tin.

Ông cũng đề nghị thảo luận về sự hiện diện quân sự của Mỹ trong khu vực như một phần của cơ chế an ninh rộng lớn hơn. Theo ông, một hệ thống trong đó các nước khu vực và có thể cả những cường quốc khác cùng đưa ra bảo đảm sẽ tạo được sự ổn định lâu dài hơn so với mối đe dọa quân sự thường trực từ bên ngoài của Mỹ. Quan điểm này đối lập với giả định rằng Washington phải luôn là bên bảo đảm an ninh tối cao cho toàn bộ khu vực.

Ngày 6 tháng 11 năm 2026, xuất hiện những thông tin mới về các đề xuất được Qatar làm trung gian. Theo đó, lệnh phong tỏa của Mỹ, tài sản Iran bị đóng băng, quyền tiếp cận của thanh sát viên và việc mở lại eo biển Hormuz có thể được đưa vào một lộ trình thực hiện theo từng giai đoạn. Các đề xuất khi ấy chưa được chấp thuận, nhưng chính sự tồn tại của chúng cho thấy con đường ngoại giao vẫn khả thi, ngay cả sau nhiều tháng chiến tranh. Cách tiếp cận của Ritter có nhiều điểm tương đồng với những bước đi như vậy.

Tất nhiên, một thỏa thuận không thể chỉ dựa vào thiện chí. IAEA phải có khả năng tiến hành xác minh, còn các nước Vùng Vịnh cần được bảo đảm an ninh trước nguy cơ tấn công vào lãnh thổ. Nhưng những điều kiện ấy là lý do để thúc đẩy ngoại giao nghiêm túc, chứ không phải để trì hoãn vô thời hạn. Ý nghĩa trong đề xuất của Ritter nằm ở việc đảo ngược thứ tự chính sách: trước tiên tạo điều kiện cho an ninh và lòng tin, sau đó giải quyết những bất đồng kỹ thuật và chính trị còn lại.

8. Cuộc chiến tại Ukraine: Không thể xóa vai trò của NATO khỏi lịch sử hình thành xung đột

Trong phần hai của cuộc trao đổi, Ritter chuyển sang vấn đề Ukraine. Luận điểm trọng tâm của ông là Washington có thể góp phần chấm dứt chiến tranh bằng cách đưa ra lựa chọn khác về viện trợ quân sự và cấu trúc an ninh tương lai của châu Âu. Ông không xem cuộc chiến tại Ukraine đơn thuần là một cuộc xung đột riêng biệt giữa Moskva và Kyiv, mà là kết quả của cuộc đối đầu kéo dài giữa Nga với hệ thống an ninh do Mỹ dẫn dắt.

Muốn giải thích cuộc đối đầu ấy, phải nhìn xa hơn tháng 2 năm 2022. Tại hội nghị thượng đỉnh NATO ở Bucharest tháng 4 năm 2008, các nước đồng minh tuyên bố rõ ràng rằng Ukraine và Gruzia cuối cùng sẽ trở thành thành viên của liên minh. Điều này được ghi trong tuyên bố chung chính thức. Đó là cam kết chính trị chưa có lịch trình gia nhập ngay lập tức, nhưng tín hiệu rất rõ: tiếp tục mở rộng liên minh quân sự phương Tây về những khu vực mà Nga coi là đặc biệt nhạy cảm vẫn là một mục tiêu chính sách.

Tín hiệu ấy cần được đặt trong tương quan với các nguyên tắc an ninh của Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu. Trong Tuyên bố Astana năm 2010 của OSCE, khái niệm an ninh không thể chia cắt được tái khẳng định: các quốc gia có quyền lựa chọn cơ chế an ninh của mình, nhưng không được củng cố an ninh của bản thân bằng cách gây tổn hại đến an ninh của những quốc gia khác. Hai nguyên tắc này cùng tồn tại. Một chính sách chỉ nhấn mạnh một vế và phớt lờ vế kia sẽ tạo ra căng thẳng không thể xóa bỏ chỉ bằng những lời biện giải.

Điều đó phần nào giải thích vì sao Nga mô tả việc mở rộng các cấu trúc quân sự phương Tây là một mối đe dọa. Nó không biện minh cho cuộc tiến công quân sự quy mô lớn của Nga năm 2022; Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã lên án hành động ấy và tái khẳng định chủ quyền của Ukraine. Nhưng lịch sử ngoại giao trước đó vì thế vẫn có ý nghĩa. Thừa nhận rằng những lựa chọn của NATO góp phần tạo ra động lực an ninh nguy hiểm không đồng nghĩa với việc phủ nhận quyền độc lập của Ukraine.

Đây là nơi phân tích của Ritter thể hiện sức nặng chính trị: Mỹ không thể khẳng định rằng những quyết định chiến lược của chính mình hoàn toàn nằm ngoài lịch sử cuộc chiến. Ai chỉ viện dẫn các sự kiện năm 2022 mà không nghiêm túc xem xét những nỗ lực thất bại nhằm xây dựng một trật tự an ninh chung tại châu Âu thì đang kể một câu chuyện không đầy đủ.

9. Các thỏa thuận Minsk và giải pháp chính trị bị xem nhẹ

Sau những đợt bạo lực tại Donbas từ năm 2014, một gói biện pháp được gọi là Minsk II đã được nhất trí vào tháng 2 năm 2015. OSCE công bố văn bản thỏa thuận này. Gói biện pháp bao gồm lệnh ngừng bắn, rút vũ khí hạng nặng, những biện pháp liên quan đến tù binh, vấn đề nhân đạo và tiến trình chính trị dành cho các khu vực liên quan. Việc thực thi bị đình trệ. Các bên tiếp tục cáo buộc lẫn nhau và bạo lực không chấm dứt.

Một đánh giá nghiêm túc về quá khứ cần tìm hiểu vì sao các chính phủ liên quan không đạt được giải pháp và Pháp, Đức, Nga, Ukraine cùng Mỹ đã đóng vai trò gì trong đó. Không thể giản lược những trách nhiệm phức tạp thành một khẩu hiệu. Tuy nhiên, thất bại của Minsk là lời cảnh báo: khi một tiến trình chính trị thiếu lòng tin, những bước đi có thể thực thi và cơ chế giám sát hiệu quả, nó có thể trở thành giai đoạn trung gian dẫn tới một cuộc chiến lớn hơn nhiều.

Ritter cho rằng phương Tây một lần nữa đặt mục tiêu quân sự thiếu thực tế lên trên một kết quả có thể thương lượng. Dự báo của ông rằng cuối cùng Nga sẽ giành ưu thế quân sự vẫn là một nhận định chiến lược. Nó cần được đối chiếu với tình hình thực tế và không thể được trình bày như điều chắc chắn. Tuy nhiên, câu hỏi chính sách quan trọng là liệu việc tiếp tục một cuộc chiến tiêu hao mà không có tiến trình

chính trị đáng tin cậy có thực sự cải thiện vị thế của Ukraine, hay chỉ làm tăng những thiệt hại trong tương lai.

10. Cái giá của chiến tranh tiêu hao được trả bằng sinh mạng con người

Trong bản chép lời được cung cấp, Ritter mô tả mặt trận Ukraine như một hệ thống mà các đơn vị liên tục cần bổ sung quân số, trong khi máy bay không người lái đóng vai trò quan trọng trong việc làm chậm các đợt tiến công của Nga. Cách ông mô tả logic quân sự hết sức khắc nghiệt: binh lính được đưa vào môi trường có thể nhanh chóng chịu thương vong lớn, còn các phương tiện công nghệ được sử dụng để gây thiệt hại tối đa cho đối phương.

Ritter còn đưa ra những cáo buộc rất cụ thể về các địa điểm giam giữ bí mật, hành vi cưỡng ép, tham nhũng và việc mua bán quân số. Bản chép lời được cung cấp không có bộ hồ sơ độc lập có thể kiểm chứng để chứng minh những con số và cách thức mà ông nêu ra. Vì vậy, các phát biểu này chỉ có thể được trình bày như *những cáo buộc của Ritter*. Sẽ là thiếu thận trọng nếu đặt một lập luận phê phán mạnh mẽ về chiến tranh tiêu hao trên nền tảng những con số chưa được chứng minh.

Câu hỏi đạo đức rộng hơn vẫn còn nguyên giá trị ngay cả khi không có những con số ấy. Một chiến lược được phép tiêu tốn bao nhiêu sinh mạng trước khi tính khả thi về chính trị của nó được xem xét lại? Khi một chính phủ hoặc đồng minh liên tục tuyên bố rằng chiến thắng chỉ cần thêm thời gian và nguồn lực, họ phải giải thích công khai điều đó có nghĩa cụ thể là gì, những tổn thất nào được dự báo và bằng cách nào chiến tranh có thể kết thúc. Khi chưa có câu trả lời, khẩu hiệu “hỗ trợ chừng nào còn cần thiết” có nguy cơ trở thành công thức thay thế cho quá trình ra quyết định chính trị.

Phái bộ giám sát nhân quyền của Liên Hợp Quốc ghi nhận ít nhất 2.570 dân thường thiệt mạng và 15.211 người bị thương tại Ukraine trong chín tháng đầu năm 2026. Đây là những con số tối thiểu đã được xác minh. Chúng cho thấy chiến tranh không phải một ván cờ chiến lược trừu tượng. Dân thường Nga và cư dân tại các vùng lãnh thổ bị chiếm đóng cũng có thể trở thành nạn nhân của các cuộc tấn công. Mọi cáo buộc liên quan đến mục tiêu tấn công đều cần được điều tra độc lập. Quy tắc phân biệt mục tiêu, tính tương xứng và bảo vệ thường dân tiếp tục ràng buộc tất cả các bên.

11. Câu chuyện chiến tranh của phương Tây che khuất cái giá của việc kéo dài vô thời hạn

Một trong những điểm yếu lớn nhất của nhiều thông điệp chính trị về Ukraine là khuynh hướng coi viện trợ quân sự tự thân đã là một chiến lược. Cung cấp vũ khí là phương tiện, không phải định nghĩa về một kết quả chính trị có thể chấp nhận. Chính phủ phải giải thích được các phương tiện được lựa chọn sẽ dẫn đến an ninh, đàm phán hay một thỏa thuận bền vững như thế nào. Nếu không, cuộc thảo luận về chính sách đối ngoại biến thành phép thử đạo đức: ai nghi ngờ hiệu quả của viện trợ quân sự bổ sung sẽ bị mô tả như người thờ ơ trước những nạn nhân.

Ritter bác bỏ sự đối lập đó. Theo ông, chấm dứt chiến tranh chính là điều kiện cần để bảo vệ tương lai con người, kinh tế và nhân khẩu học của Ukraine. Đây là một lập luận có sức nặng. Mỗi tháng chiến tranh kéo dài lại kéo theo thương vong mới, phá hủy cơ sở hạ tầng, khiến dân thường phải sơ tán lâu dài và làm suy yếu sâu sắc hơn đời sống xã hội bình thường. Một quốc gia có thể vẫn tồn tại trên danh nghĩa nhưng trở nên nghèo nàn nghiêm trọng về vật chất và xã hội.

Washington không thể xóa bỏ mọi nguyên nhân xung đột chỉ bằng một quyết định, nhưng ảnh hưởng của họ là đáng kể. Châu Âu hiện đã gia tăng viện trợ quân sự của mình, còn Ukraine tự đưa ra các quyết định về phòng vệ. Cơ sở dữ liệu Ukraine Support Tracker của Viện Kiel cho thấy các cam kết tài chính và quân sự của châu Âu đã tăng lên. Tuy nhiên, điều đó chưa trả lời câu hỏi chiến lược của Ritter: liệu những năng lực đặc thù của Mỹ, thông tin tình báo, hậu cần và ảnh hưởng chính trị có thật sự được châu Âu thay thế hay không? Cộng các khoản euro cam kết lại không đồng nghĩa với việc chứng minh mọi chức năng quân sự đều có thể thay thế. Điểm cốt yếu của ông là Mỹ có ảnh hưởng lớn đến diễn biến chiến tranh và có thể dùng ảnh hưởng ấy để thúc đẩy đàm phán thay vì chỉ nhằm kéo dài giao tranh.

Lựa chọn thực sự không đơn giản chỉ nằm giữa đầu hàng ngay lập tức và chiến tranh vô hạn. Đó là lựa chọn giữa việc đầu tư quân sự ngày càng lớn mà không có lộ trình kết thúc rõ ràng với một tiến trình đàm phán khó khăn, trong đó lợi ích an ninh, biên giới, các bảo đảm và công cuộc tái thiết được thảo luận nghiêm túc. Một thỏa thuận như vậy chỉ có thể bền vững khi chính Ukraine được tham gia đầy đủ.

12. Châu Âu đang trả giá kinh tế cho định hướng địa chính trị của mình

Ritter chỉ ra mối liên hệ trực tiếp giữa cuộc chiến tại Ukraine và nền kinh tế năng lượng châu Âu. Trước khi quan hệ với Nga xấu đi, nguồn khí đốt Nga là một phần quan trọng của công nghiệp và hệ thống cung ứng năng lượng châu Âu. Chiến tranh, các biện pháp trừng phạt lẫn nhau, hạn chế nguồn cung và lựa chọn chính trị nhằm giảm phụ thuộc đã gần như tháo dỡ mô hình ấy. Châu Âu tìm kiếm những nhà cung cấp thay thế, nhưng chi phí năng lượng và các quá trình điều chỉnh đã tạo ra hậu quả

đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Hội đồng Liên minh châu Âu cho biết tỷ trọng khí đốt Nga trong tổng lượng khí đốt nhập khẩu của EU giảm từ khoảng 45% năm 2021 xuống còn gần 13% năm 2025. Tháng 1 năm 2026, các nước EU thông qua những biện pháp nhằm từng bước chấm dứt phần nhập khẩu còn lại. Quyết định này được lý giải bằng nhu cầu an ninh và mong muốn giảm sự lệ thuộc vào Nga. Nhưng ngay cả một lựa chọn được xem là cần thiết về chiến lược cũng có chi phí kinh tế cần được thảo luận trung thực.

Ritter cho rằng một thỏa thuận hòa bình trong tương lai có thể mở lại không gian thương mại năng lượng với Nga. Ông đề cập, trong số những khả năng khác, việc Ukraine có thể nhận doanh thu từ vận chuyển khí đốt hoặc dầu qua lãnh thổ mình. Hiện chưa thể khẳng định chắc chắn những tuyến đường ấy có thể được khôi phục về mặt chính trị và kinh tế hay không. Tuy nhiên, việc đưa thương mại, quá cảnh, cơ sở hạ tầng và tái thiết vào một thỏa thuận hòa bình không phải điều phi lý. Nền kinh tế châu Âu bền vững cần nguồn cung năng lượng có thể dự báo.

Cuộc chiến quanh Iran còn làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương của châu Âu. Ấn phẩm của IEA ngày 3 tháng 11 năm 2026 cảnh báo rằng dự trữ khí đốt hạn chế và lưu lượng LNG qua Hormuz giảm có thể khiến thị trường khí đốt toàn cầu tiếp tục căng thẳng đến năm 2027. Như vậy, châu Âu phải đồng thời đối mặt với hậu quả của hai cuộc khủng hoảng an ninh. Chính sách phương Tây không thể tiếp tục coi hậu quả kinh tế của mình chỉ là phiền toái thứ yếu.

Đây không phải lời kêu gọi khôi phục sự phụ thuộc vô hạn vào một nhà cung cấp duy nhất. Đây là lời kêu gọi đưa lợi ích kinh tế của người dân và ngành công nghiệp trở lại vị trí xứng đáng trong chính sách đối ngoại. Quyền tự chủ chiến lược sẽ có rất ít giá trị nếu đi kèm với sự nghèo đi mang tính cơ cấu mà không có triển vọng hòa bình đáng tin cậy.

13. Kinh tế chiến tranh: Ai được hưởng lợi khi chi tiêu quân sự ngày càng tăng?

Trong cuộc trao đổi, Ritter nói đến tổ hợp công nghiệp - quân sự và những lợi ích gắn với việc liên tục sản xuất vũ khí và hỗ trợ các chiến dịch quân sự. Không thể đơn giản gạt bỏ lời phê phán ấy như một thuyết âm mưu, miễn là nó tập trung vào những dòng tiền và lựa chọn chính sách có thể kiểm chứng. Hợp đồng quốc phòng, giấy phép xuất khẩu, hoạt động vận động hành lang và sự tập trung quyền lực chính trị, kinh tế là những vấn đề cần được giám sát dân chủ.

Viện nghiên cứu độc lập SIPRI tính toán rằng chi tiêu quân sự toàn cầu năm 2025 tăng lên khoảng 2.887 tỷ đô la Mỹ, mức cao nhất trong chuỗi thống kê lịch sử của

viện. Các nước NATO chiếm tổng cộng khoảng 55% chi tiêu quân sự toàn thế giới. Con số này không chứng minh mọi khoản chi quân sự đều không chính đáng, nhưng cho thấy quy mô nguồn lực khổng lồ mà hệ thống an ninh quốc tế đang sử dụng. Theo báo cáo SIPRI tháng 4 năm 2026, mức chi này đã tăng trong 11 năm liên tiếp.

Khi các chính phủ yêu cầu người dân chấp nhận cắt giảm dịch vụ công nhưng đồng thời mô tả nỗ lực quân sự ngày càng lớn là điều không thể tránh khỏi, một cuộc tranh luận phản biện là cần thiết. Những mối đe dọa nào thực sự được giảm bớt? Hợp đồng nào mang lại an ninh có thể chứng minh? Có bao nhiêu nguồn lực được dành cho ngoại giao, khôi phục lòng tin và tái thiết? Và ai có quyền quyết định thời điểm cần đánh giá lại một cuộc chiến không tạo ra kết quả như đã hứa?

Lập luận chính trị của Ritter là một hệ thống luôn chuẩn bị cho các đợt leo thang mới có thể gặp khó khăn trong việc công nhận kết quả đàm phán là thành công. Đây là một cách diễn giải, không phải cơ chế phổ quát đã được chứng minh. Nhưng nó đáng được nghiên cứu. Một hiệp định hòa bình không đem lại những hình ảnh ngoạn mục về hệ thống vũ khí mới; lợi ích xã hội của nó chính là những thiệt hại không còn xảy ra.

14. Dmitri Medvedev và quyền lực vô hình của Starlink

Nguồn thứ ba được cung cấp là tuyên bố của Dmitri Medvedev về Elon Musk. Cựu Tổng thống Nga cáo buộc Musk đã tạo điều kiện cho nỗ lực chiến tranh của Ukraine thông qua mạng vệ tinh Starlink và vì thế góp phần vào các hành động bạo lực chống lại thường dân Nga. Cách diễn đạt của ông đặc biệt thù địch. Không cần lặp lại giọng điệu ấy vẫn có thể nghiêm túc xem xét câu hỏi cơ bản: các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm gì khi công nghệ của họ trở thành yếu tố không thể thiếu cho những chiến dịch quân sự?

Starlink không đơn thuần là dịch vụ Internet khi các thiết bị đầu cuối của nó được sử dụng để liên lạc giữa các đơn vị quân đội, phục vụ hậu cần và vận hành máy bay không người lái. Tranh cãi gần đây về những hạn chế đối với dịch vụ Starlink thương mại, cùng sự khác biệt giữa Starlink và Starshield, cho thấy quyết định của một doanh nghiệp tư nhân có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của cả một quân đội. Một phân tích của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS) mô tả cách SpaceX, các cơ quan chính phủ Mỹ và người dùng Ukraine tham gia vào những quyết định về quyền truy cập.

Cáo buộc cụ thể của Medvedev rằng Musk phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các cuộc tấn công vào thường dân không vì thế mà đã được chứng minh. Trách nhiệm như vậy đòi hỏi bằng chứng cụ thể về sự tham gia trong từng cuộc tấn công và việc áp dụng các quy định pháp lý liên quan. Nhưng vấn đề chính trị rộng lớn hơn là

không thể phủ nhận: công nghệ tư nhân có thể trở thành một phần của cơ sở hạ tầng chiến tranh, trong khi sự giám sát công cộng không theo kịp tầm quan trọng chiến lược của nó.

Điều đó đặt ra những câu hỏi cũng áp dụng cho các công ty công nghệ khác. Ai có quyền ngắt kết nối của một người dùng quân sự? Ai quyết định phạm vi địa lý mà dịch vụ được cung cấp? Làm sao các chính phủ có thể ngăn doanh nhân tư nhân trên thực tế quyết định những khía cạnh của hoạt động chiến tranh mà không chịu trách nhiệm giải trình trước quốc hội? Và việc sử dụng các hệ thống thông tin liên lạc để hỗ trợ những cuộc tấn công có thể vi phạm luật chiến tranh sẽ được giám sát như thế nào?

Tuyên bố của Medvedev trước hết là một bản cáo buộc chính trị từ phía Nga. Nhưng ai chỉ xem nó như lời công kích thô bạo sẽ bỏ lỡ một vấn đề quan trọng: quá trình quân sự hóa hạ tầng thương mại và ảnh hưởng ngày càng lớn của công nghệ tư nhân đối với cán cân quyền lực quốc tế.

15. Thông tin có chọn lọc kéo dài chiến tranh và làm nghèo cuộc tranh luận

Scott Ritter dành những lời gay gắt nhất cho điều ông coi là cách trình bày sai lệch về chiến tranh Ukraine. Theo ông, những tuyên bố về thương vong, sự yếu kém của quân đội Nga, những thành công của Ukraine và vai trò của máy bay không người lái quá thường xuyên được lặp lại mà thiếu kiểm chứng nghiêm túc. Không cần chấp nhận mọi phản bác của ông vẫn có thể nêu một câu hỏi báo chí sắc bén: vì sao một tuyên bố quân sự chính thức từ một phía liên tục được đưa tin rộng rãi, trong khi một phân tích chiến lược khác đôi khi bị coi là đáng ngờ ngay từ đầu?

Trong thời chiến, số liệu thương vong quân sự đặc biệt khó được xác minh độc lập. Điều này đúng với các ước tính của Ukraine, Nga và Mỹ. Ai trình bày con số từ một bên như sự thật khách quan, còn con số của bên kia chỉ là tuyên truyền, thì đã áp dụng tiêu chuẩn thiếu nhất quán. Giải pháp không phải đơn giản thay câu chuyện phương Tây bằng câu chuyện của Nga, mà là phân biệt giữa tuyên bố và dữ liệu đã kiểm chứng, đồng thời công khai những điểm chưa chắc chắn.

Điều tương tự áp dụng cho các thông tin về tấn công mục tiêu dân sự. Trong bản chép lời, Ritter cho rằng một số hoạt động quân sự của Ukraine được che giấu trong hoặc gần các địa điểm dân sự. Những cáo buộc như vậy cần được điều tra riêng từng trường hợp. Khi một tòa nhà thực sự được sử dụng cho mục đích quân sự, có thể phát sinh câu hỏi pháp lý về chế độ bảo vệ của mục tiêu ấy; tuy nhiên, sự hiện diện của thường dân không xóa bỏ nghĩa vụ bảo đảm tính tương xứng và thực hiện biện pháp

phòng ngừa. Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế nêu rõ những quy tắc này.

Những cuộc điều tra nhân quyền độc lập cho thấy các vi phạm nghiêm trọng và số lượng lớn thương vong dân sự. Phái bộ Giám sát Nhân quyền của Liên Hợp Quốc báo cáo thương vong tại Ukraine và chỉ ra những hạn chế trong việc xác minh tại các vùng lãnh thổ do Nga kiểm soát cũng như trên lãnh thổ Nga. Không được viện dẫn công trình nghiên cứu này một cách chọn lọc để biện minh cho kết luận chính trị đã định sẵn. Nạn nhân chiến tranh xứng đáng được đối xử tốt hơn việc chỉ đóng một vai trò trong cuộc chiến truyền thông giữa các chính phủ tham chiến.

Báo chí phản biện có nghĩa vụ đặt ra cả những câu hỏi khó chịu về quyết định của phương Tây: vì sao các khuôn khổ ngoại giao trước đây bị từ bỏ? Những giả định nào về hiệu lực của trừng phạt và sức ép quân sự đã tỏ ra sai lầm? Vì sao các tác động kinh tế gián tiếp bị đánh giá thấp? Và nhu cầu của chính phủ muốn bảo vệ những lựa chọn trước đây đóng vai trò gì? Đó không phải tuyên truyền cho Moskva hay Tehran, mà là sự điều chỉnh cần thiết đối với tuyên truyền từ bất kỳ nguồn nào.

16. Kết quả bầu cử Mỹ cho thấy cái giá trong nước của chiến tranh

Cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ tại Mỹ ngày 3 tháng 11 năm 2026 đã tạo ra sự thay đổi chính trị đáng kể. Đảng Dân chủ giành được những bước tiến lớn; sự bất mãn của công chúng về cuộc chiến với Iran và tác động của nó đối với giá nhiên liệu cũng đóng một vai trò. Thông điệp chính trị là một dự án quân sự ở nước ngoài không bao giờ có thể thực sự tách khỏi lợi ích kinh tế của người dân trong nước.

Ritter nhìn thấy trong kết quả bầu cử cơ hội thay đổi hướng đi. Theo ông, một tổng thống không phải ngay lập tức đối diện với chính nhóm cử tri ấy thêm lần nữa có thể tìm cách đạt được thỏa thuận để cuối cùng giảm giá năng lượng và rủi ro quân sự. Những biện pháp ông đề xuất có tính đột phá, nhưng phản ánh một thực tế chính trị: khi chiến tranh trở nên không được lòng dân, ngoại giao có thể bỗng trở nên hấp dẫn hơn đối với những chính phủ trước đó từng bác bỏ nó.

Điều đó không có nghĩa đa số thuộc Đảng Dân chủ tự động trở thành một phong trào hòa bình. Phê phán của Khatami về tính liên tục trong chính sách Mỹ vẫn có ý nghĩa. Quốc hội có thể tác động đến chi tiêu chiến tranh và tạo sức ép chính trị, nhưng lợi ích và bất đồng tồn tại trong cả hai đảng. Tiêu chí đánh giá không phải tên đảng, mà là sự sẵn sàng bác bỏ leo thang tiếp theo và đưa ra những kết quả ngoại giao có thể đo lường.

17. Hai cuộc chiến, một câu hỏi: Ai có quyền định hình trật tự an ninh?

Iran và Ukraine không phải những cuộc xung đột giống hệt nhau. Nguyên nhân lịch sử, hoàn cảnh pháp lý và các bên liên quan của chúng khác nhau. Tuy nhiên, cả hai đều chạm đến một vấn đề lặp đi lặp lại trong chính trị quốc tế: làm thế nào một cường quốc có thể theo đuổi lợi ích an ninh của mình mà không rơi vào niềm tin rằng những quốc gia khác chỉ có nghĩa vụ phục tùng?

Mỹ vẫn có sức mạnh quân sự, kinh tế và công nghệ vượt trội. Nhưng sức mạnh quân sự không đồng nghĩa với khả năng áp đặt một trật tự chính trị bền vững. Tại Iran, cuộc đối đầu quân sự đã góp phần làm gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu. Tại Ukraine, chiến tranh đã biến thành cuộc xung đột tiêu hao kéo dài, đặt tương lai của một quốc gia và cấu trúc an ninh châu Âu trước những thách thức sinh tử. Trong cả hai trường hợp, nhu cầu tìm lối thoát chính trị lớn hơn nhiều so với điều mà những lời lẽ về chiến thắng vô điều kiện gợi ra.

Ritter cho rằng Washington phải đánh giá thực tế hơn về sức mạnh của mình và nghiêm túc xem xét lợi ích của các quốc gia khác. Những người phản đối ông có thể không đồng ý với cách ông nhìn nhận Nga hay Iran. Nhưng không thể trả lời câu hỏi liệu giới hoạch định chính sách Mỹ có thường xuyên đánh giá thấp cái giá của leo thang hay không bằng cách đơn giản gán cho ông nhãn “nhà bình luận gây tranh cãi”. Cần phải đánh giá kết quả thực tế của chính sách đã thực hiện.

18. Một chương trình nghị sự ngoại giao để phá vỡ logic chiến tranh

Một hướng đi khác sẽ có ý nghĩa cụ thể như thế nào? Trước hết, cần thừa nhận ngoại giao không nhất thiết là dấu hiệu của yếu đuối. Đàm phán giữa các đối thủ có ý nghĩa chính vì họ không tin tưởng nhau. Kết quả hiếm khi hoàn toàn đáp ứng những yêu cầu tối đa của một bên. Thỏa thuận bền vững là sự thỏa hiệp mang lại đủ an ninh và khả năng kiểm chứng cho tất cả các bên liên quan.

Đối với Iran, điều đó đòi hỏi một tiến trình có đi có lại, trong đó tránh những cuộc tấn công mới vào cơ sở hạ tầng năng lượng, khôi phục vận tải hàng hải qua Hormuz, từng bước nới lỏng phong tỏa kinh tế và cho phép IAEA tiếp cận các vật liệu hạt nhân liên quan. An ninh của những nước Vùng Vịnh phải là một phần của thỏa thuận. Một quốc gia từng hứng chịu chiến tranh sẽ không chấp nhận minh bạch hoàn toàn nếu vẫn lo sợ bị tấn công tiếp; các bên khác cũng không từ bỏ đòn bẩy trừng phạt khi chưa có những bước tiến có thể kiểm chứng. Chính vì thế, thực hiện theo giai đoạn là cần thiết.

Đối với Ukraine, một lộ trình hòa bình đáng tin cậy đòi hỏi lệnh ngừng bắn có giám sát, tiếp cận nhân đạo, trao đổi tù binh, đàm phán về bảo đảm an ninh và thảo luận nghiêm túc về cấu trúc an ninh tương lai của châu Âu. Vai trò của NATO phải được đưa ra bàn bạc, đồng thời không được bỏ qua chủ quyền của Ukraine và sự an toàn của người dân nước này. Một thỏa thuận bị áp đặt mà không có sự tham gia của Ukraine sẽ khó bền vững. Tương tự, giải pháp cũng không thể đứng vững nếu các quan ngại an ninh của Nga đơn giản bị gạt đi như một chủ đề không được phép thảo luận.

Đối với châu Âu, điều đó có nghĩa là đánh giá lại những lợi ích kinh tế và ngoại giao của chính mình. Liên minh châu Âu cần tự hỏi làm sao nền tảng công nghiệp, an ninh năng lượng và phúc lợi xã hội có thể cùng tồn tại với một tương lai an toàn, hòa bình trên lục địa. Điều đó đòi hỏi nhiều hơn việc chạy theo những thay đổi trong định hướng chính trị của Mỹ hoặc tăng ngân sách quốc phòng. Một chính sách an ninh châu Âu độc lập cũng phải có dũng khí đàm phán.

Đối với Mỹ, điều đó có nghĩa chấm dứt ảo tưởng rằng đe dọa, trừng phạt và ưu thế quân sự có thể giải quyết mọi bất đồng chính trị. Washington có thể gây ảnh hưởng đến nhiều bên tham chiến và trung gian, và nên sử dụng ảnh hưởng ấy để giảm thương vong và thiệt hại kinh tế. Một cuộc đàm phán thành công có thể là thành tựu chiến lược lớn hơn nhiều so với một đợt oanh tạc mới không có mục tiêu chính trị rõ ràng.

Kết luận: Lời nói dối về một chiến thắng dễ dàng

Ý tưởng sai lệch nhất trong ngôn từ chiến tranh của phương Tây không phải mọi tuyên bố chính thức riêng lẻ đều nhất thiết là sai. Đó là lời gợi ý lặp đi lặp lại rằng ưu thế quân sự tự động tạo ra an ninh chính trị, rằng trừng phạt tất yếu buộc đối phương đầu hàng và rằng chi phí kinh tế của leo thang sẽ nằm trong tầm kiểm soát miễn là người ta thể hiện đủ quyết tâm. Các sự kiện ở Iran và Ukraine đem lại mọi lý do để xem xét nghiêm túc những giả định ấy.

Scott Ritter đặt trước giới quyền lực Mỹ một tấm gương khó chịu. Phê phán của ông về việc đánh giá quá cao sức mạnh quân sự, lời cảnh báo về cơ sở hạ tầng năng lượng Vùng Vịnh và lời kêu gọi đàm phán xứng đáng giữ vị trí trung tâm trong cuộc tranh luận. Ahmad Khatami làm nổi bật sự thiếu tin tưởng tích tụ qua những lựa chọn chính sách nối tiếp nhau của Mỹ. Dmitri Medvedev, bất chấp ngôn từ mang tính luận chiến, chỉ ra vấn đề mới đáng chú ý: sức mạnh của công nghệ truyền thông thương mại trong chiến tranh hiện đại.

Không cần mù quáng đi theo bất kỳ ai trong ba tiếng nói ấy mới có thể nghiêm túc xem xét lập luận của họ. Nhưng phương Tây cũng không mặc nhiên có quyền nói lời

cuối cùng về nguyên nhân, diễn biến hay kết cục mong muốn của những cuộc xung đột này. Chính những chi phí kinh tế, nhân đạo và ngoại giao đã hiện rõ khiến việc đánh giá lại trở nên cấp thiết. Ai sau nhiều tháng hoặc nhiều năm chiến tranh vẫn chỉ đòi thêm vũ khí, thêm trừng phạt và thêm leo thang thì phải giải thích chính sách ấy rốt cuộc sẽ mang lại hòa bình bằng cách nào.

Cái giá thật sự của ảo tưởng được trả bởi những người chưa bao giờ quyết định phát động chiến tranh. Họ phải trả tiền tại trạm xăng và trong hóa đơn năng lượng, mất việc làm hoặc nhà cửa, chờ đợi người thân không trở về và thừa hưởng một thế giới nơi sự thù địch có nguy cơ lại trở thành trạng thái bình thường. Vì thế, câu hỏi của Scott Ritter xứng đáng được trả lời nghiêm túc: Washington còn sẵn sàng chấp nhận bao nhiêu thiệt hại kinh tế và sinh mạng con người nữa trước khi coi đàm phán quan trọng hơn vẻ ngoài bất khả chiến bại về quân sự?

Nguồn tư liệu và chú thích biên tập

Ba nguồn tư liệu ban đầu được cung cấp:

1. Scott Ritter, “Total Energy Blackout Now Inevitable If This Happens”, cuộc phỏng vấn bằng video và bản chép lời tự động do người cung cấp tư liệu gửi đến. Vì bản chép lời có lỗi nhận dạng, các phát biểu được diễn đạt lại thay vì trình bày dưới dạng trích dẫn nguyên văn đã được kiểm chứng.

2. Ahmad Khatami, bài giảng trong lễ cầu nguyện thứ Sáu tại Tehran ngày 6 tháng 11 năm 2026; xem bản tin về tuyên bố của ông.

3. Dmitri Medvedev, tuyên bố về Elon Musk và Starlink vào tháng 11 năm 2026; bản tường thuật tuyên bố. Những cáo buộc cụ thể trong đó không được xem là các sự thật đã được chứng minh độc lập.

Tài liệu bổ sung và nguồn kiểm chứng:

4. IEA, “Oil markets strain to plug the gap left by Middle East supply shortfall”, ngày 18 tháng 9 năm 2026.

5. IEA, “Global Gas Security Review 2026”, ngày 3 tháng 11 năm 2026.

6. IMF, “How the War in the Middle East Is Affecting Energy, Trade, and Finance”, ngày 30 tháng 3 năm 2026.

7. IAEA, báo cáo về kho dự trữ uranium làm giàu của Iran và việc xác minh, tháng 9 năm 2025.

8. Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, phiên thảo luận về không phổ biến vũ khí hạt nhân và các tuyên bố liên quan đến Iran, tháng 10 năm 2026.

9. Bộ Ngoại giao Mỹ, quyết định rút khỏi JCPOA, ngày 8 tháng 5 năm 2018.

10. NATO, tuyên bố chính thức của hội nghị thượng đỉnh Bucharest, tháng 4 năm 2008.

11. OSCE, các thỏa thuận Minsk II, tháng 2 năm 2015.

12. OSCE, Tuyên bố Astana về an ninh không thể chia cắt, tháng 12 năm 2010.

13. Liên Hợp Quốc, nghị quyết của Đại hội đồng về Ukraine, tháng 3 năm 2022.

14. Phái bộ Giám sát Nhân quyền Liên Hợp Quốc, thương vong dân sự tại Ukraine đến tháng 9 năm 2026.

15. Viện Kiel, Ukraine Support Tracker.

16. Hội đồng Liên minh châu Âu, chính sách về nhập khẩu năng lượng từ Nga.

17. SIPRI, “Trends in World Military Expenditure, 2025”, tháng 4 năm 2026.

18. CSIS, “Who Controls Ukraine’s Starlink Access?”, tháng 11 năm 2026.

19. Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế, các quy tắc bảo vệ thường dân trong xung đột vũ trang.

Ghi chú biên tập: Đây là bài phân tích chuyên sâu mang tính phản biện và bình luận, xem xét chính sách chiến tranh của Mỹ và phương Tây từ những lập luận chiến lược do Scott Ritter đưa ra. Bài viết phân biệt giữa các sự kiện có thể kiểm chứng, cách diễn giải chính trị và những cáo buộc chưa được chứng minh. Thông tin thực tế được trình bày theo tình hình tính đến ngày 7 tháng 11 năm 2026.